

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 60/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 08-11-2019

V/v: Ly hôn giữa bà T và ông Á

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Xuân Bông.

2. Ông Cầm Văn Nam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thuận - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 08 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 303/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2019, về tranh chấp "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Minh T, sinh năm: 1958.

Địa chỉ: Số 100/3 đường Nguyễn Thiện Th, xã Lộc Ch, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Á, sinh năm: 1957.

Địa chỉ: Số 100/3 đường Nguyễn Thiện Th, xã Lộc Ch, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

(Tại phiên tòa bà T có mặt, ông Á vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/8/2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn Á có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ninh G, huyện Đ tỉnh Lâm Đồng vào ngày 13/12/1982. Hôn nhân tự

nguyên tiến bộ không ai bị ép buộc. Vợ chồng bà sống hạnh phúc được hơn 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng về cách sống, cách suy nghĩ, mâu thuẫn về tôn giáo, mỗi khi bà đi Nhà thờ thì ông Á không cho và thường xuyên chửi mắng, xúc phạm bà và tôn giáo bà đang theo. Trong gia đình ông Á cấm cản không cho các con lựa chọn theo đạo Thiên chúa giáo, sống gia trưởng, hay chửi mắng vợ và các con, vì vậy vợ chồng luôn xảy ra cãi vã, gia đình xáo trộn, cuộc sống chung rất mệt mỏi, hôn nhân không hạnh phúc. Mâu thuẫn giữa bà và ông Á ngày càng trầm trọng nên đến cuối năm 2014, bà đã làm đơn ly hôn với ông Á và đã được Tòa án thụ lý nhưng vì các con khuyên can và bà muốn cho ông Á thêm cơ hội sửa chữa nên bà đã rút đơn về đoàn tụ. Tuy nhiên sau khi về đoàn tụ, mâu thuẫn vẫn tiếp tục, vợ chồng vẫn thường xuyên cãi nhau, sự tôn trọng nhau không còn nữa. Tuy bà và ông Á vẫn sống chung nhà nhưng mạnh ai nấy sống, không có sự quan tâm, chia sẻ gì với nhau. Nay bà không thể chịu đựng được nữa vì cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc nên bà đề nghị Tòa án cho ly hôn với ông Á.

Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung tên Nguyễn Thị Minh H, sinh ngày 17/5/1994; Nguyễn Thị Minh Ngọc, sinh ngày 08/12/1991; Nguyễn Văn Phúc, sinh ngày 02/6/1989 và Nguyễn Thị Minh C, sinh ngày 08/3/1984. Hiện nay các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà và ông Á tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Bà khai không có.

Các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn Á trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị Minh T đăng ký kết hôn đúng như bà T trình bày. Hôn nhân tự nguyện tiến bộ không ai bị ép buộc. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2000 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp về cách sống, cách suy nghĩ khác nhau, mâu thuẫn về tôn giáo, bà T đổ bần thờ tổ tiên của ông nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, tình cảm bị rạn nứt. Ngoài ra, giữa bà T và gia đình bên ông cũng thường xuyên mâu thuẫn, xích mích. Cuối năm 2014 bà T đã làm đơn ly hôn với ông, sau đó Tòa án đã hòa giải đoàn tụ để vợ chồng về xây dựng hạnh phúc gia đình. Nhưng sau khi về đoàn tụ, vợ chồng ông vẫn không giải quyết được mâu thuẫn, vợ chồng không có tiếng nói chung và không có sự quan tâm, chia sẻ với nhau, mạnh ai nấy sống. Bà T tự ý quyết định mọi vấn đề trong gia đình mà không hỏi ý kiến của ông. Nay bà T yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý vì ông đã già yếu, mắt kém nên cần phải có người chăm sóc, bản thân ông cũng xấu hổ với hàng xóm nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung đúng như bà T trình bày. Hiện nay các con chung đều đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông và bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Ông khai không có.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố B tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thực hiện đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự qui định.

Về giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ và tại phiên tòa cho thấy yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Minh T đối với ông Nguyễn Văn Á là có căn cứ chấp nhận; Về con chung: Các con của ông Á và bà T đều đã trên 18 tuổi nên không xem xét; Về tài sản chung: Bà T và ông Á không yêu cầu giải quyết; Về nợ chung: Các đương sự khai không có; Về án phí: Bà T phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo qui định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Văn Á đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt và không thuộc trường hợp bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án theo qui định pháp luật.

[2]. Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Minh T và ông Nguyễn Văn Á được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống bà T và ông Á có nhiều mâu thuẫn do vợ chồng không hòa hợp về cách sống, cách suy nghĩ. Mâu thuẫn về tôn giáo nên giữa bà T và ông Á thường xuyên xảy ra xích mích, cãi vã. Tuy sống chung một nhà nhưng bà T và ông Á không quan tâm gì đến nhau, mạnh ai nấy sống, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Tại phiên tòa bà T vẫn kiên quyết xin được ly hôn với ông Á vì không còn tình cảm gì. Qua xác minh tại chính quyền địa phương, người thân cho thấy vợ chồng bà T, ông Á do khác tôn giáo nên thường xảy ra cãi vã, bất đồng, sống không hạnh phúc. Bà Ánh cũng đã từng nhờ

chính quyền địa phương hòa giải về mâu thuẫn vợ chồng nhưng không được. Như vậy, tình trạng hôn nhân của bà T và ông Á đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T là có căn cứ.

[3]. Về con chung: Qua xem xét thấy 04 người con chung của ông Á và bà T đều đã trên 18 tuổi nên không xem xét.

[4]. Về tài sản chung: Ông Á và bà T tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5]. Về nợ chung: Ông Á và bà T đều khai không có, trong quá trình giải quyết vụ án không có ai tranh chấp gì nên không xem xét.

[6]. Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[7]. Về án phí: Do bà T là người cao tuổi, có đơn xin miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) và thuộc trường hợp được miễn án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Minh T và ông Nguyễn Văn Á.
2. Về con chung: Bốn người con chung của ông Á và bà T đều đã trên 18 tuổi.
3. Về tài sản chung: Ông Á và bà T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
4. Về nợ chung: Ông Á và bà T đều khai không có.
5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Minh T được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo qui định pháp luật.
6. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án phúc thẩm giải quyết. Đương sự vắng

mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo qui định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- + Các đương sự;
- + VKSND thành phố B;
- + T.H.A thành phố B;
- + TAND tỉnh Lâm Đồng;
- + UBND xã Ninh Gia, huyện Đức Trọng;
- + Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Hiền